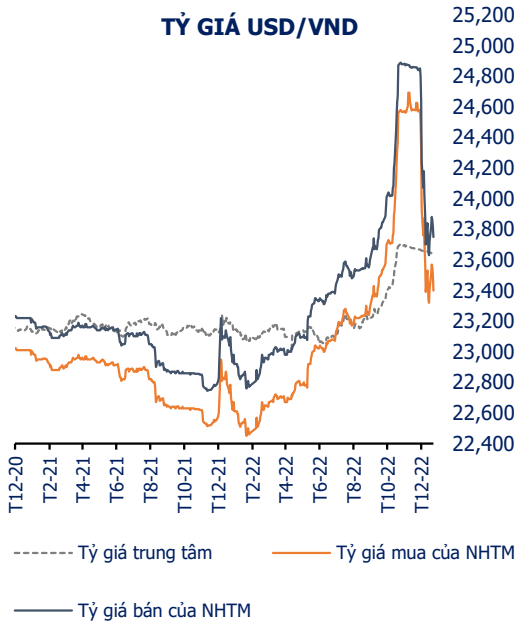


TỶ GIÁ USD/VND



THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Tuần qua, lãi suất VND liên ngân hàng tiếp tục giảm mạnh ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ kỳ hạn 2 tuần và 1 tháng. Cụ thể, lãi suất VND liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm (ON) giảm 1.13% chốt phiên cuối tuần ở mức 24,400. Lãi suất kỳ hạn 1 tuần (1W) giảm xuống 24,200 (tương đương giảm 0.98%). Tổng khối lượng giao dịch trên thị trường liên ngân hàng tuần qua đạt 1,151 nghìn tỷ đồng, giảm 3.2% so với tuần trước. Trong đó, kỳ hạn qua đêm và 1 tuần có khối lượng giao dịch chiếm 97.4% tổng khối lượng giao dịch của cả tuần.

THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI

Tỷ giá USD/VND tiếp nối đà giảm của tuần trước chủ yếu do ảnh hưởng từ diễn biến của đồng bạc xanh trên thị trường quốc tế. Kết tuần, tỷ giá trung tâm của NHNN giảm xuống 23,631 USD/VND (giảm 19 USD/VND so với thứ 6 tuần trước). Tỷ giá mua vào tại Vietcombank giảm 10 đồng/USD, xuống 23,430 đồng /USD (mua chuyển khoản) và tỷ giá bán tăng 30 đồng/USD, lên 23,750 đồng/USD.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU SƠ CẤP

Kho bạc Nhà nước tiến hành gọi thầu tổng cộng 6,000 tỷ đồng TPCP ở các kỳ hạn 10 năm và 15 năm với tỷ lệ trúng thầu đạt 100%. Tổng giá trị TPCP phát hành tính từ đầu năm đạt 52% theo kế hoạch đầu năm. KBNN dự kiến điều chỉnh tổng mức phát hành TPCP trong năm 2022 xuống 215,000 tỷ đồng, tương ứng tổng giá trị TPCP phát hành từ đầu năm tới nay đạt 97% kế hoạch năm theo kế hoạch dự kiến điều chỉnh. Tuần tới, KBNN sẽ gọi thầu 5,500 tỷ đồng ở 2 kỳ hạn (10 và 15 năm).

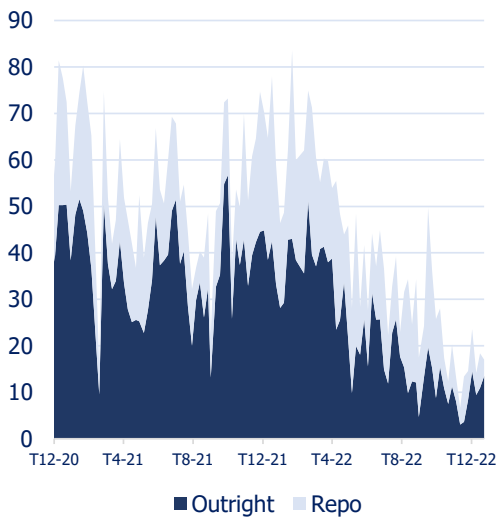
THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU THỨ CẤP

Giá trị giao dịch (GTGD) thị trường thứ cấp đạt hơn 17 nghìn tỷ đồng (giảm 7% so với tuần trước) trong đó GTGD thông thường (outright) tăng 23% và GTGD mua bán lại (repo) giảm 52% so với tuần trước. NĐTNN bán ròng gần 91 tỷ TPCP trong tuần. Lợi suất TPCP tại phòng giao dịch của VBMA tiếp tục giảm nhẹ tại tất cả các kỳ hạn.

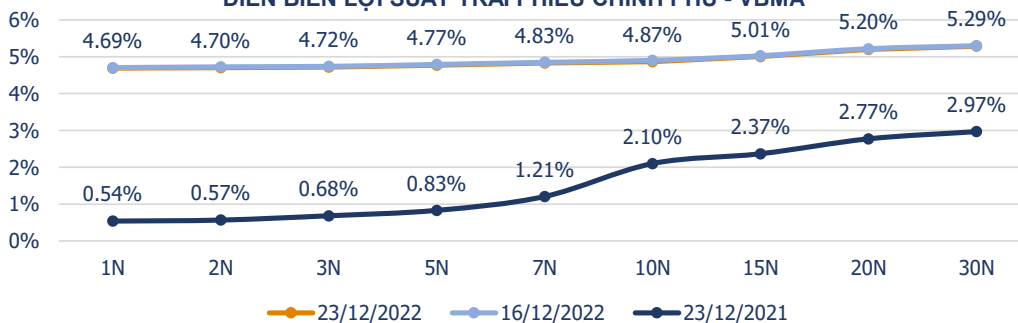
THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp, tính đến ngày công bố thông tin 23/12/2022, có 9 đợt phát hành TPDN riêng lẻ được ghi nhận trong tháng 12 với tổng giá trị 1,350 tỷ đồng.

KHỐI LƯỢNG GD OUTRIGHT VÀ REPO



DIỄN BIẾN LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ - VBMA



Báo cáo tuần

Thị trường tiền tệ

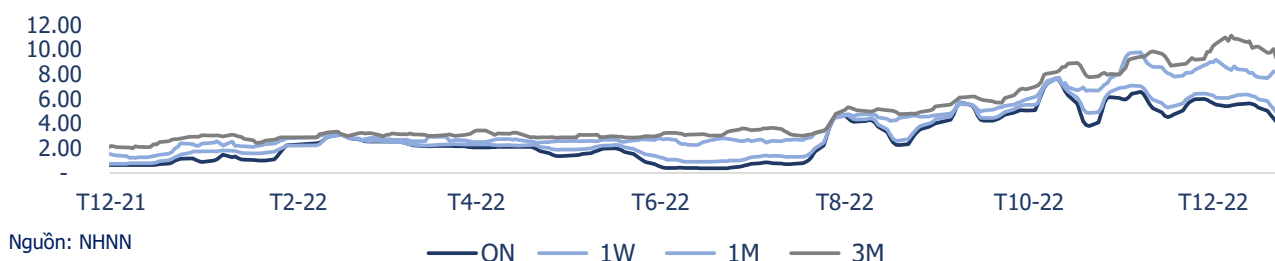
Lãi suất liên ngân hàng: Tuần qua, lãi suất VND liên ngân hàng tiếp tục giảm khá mạnh ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ kỳ hạn 2 tuần (2W) và 1 tháng (1M). Cụ thể, lãi suất VND liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm (ON) giảm 1.13% chốt phiên cuối tuần ở mức 3.49%, lãi suất kỳ hạn 1 tuần (1W) giảm xuống 4.24% (tương đương giảm 0.98%).

Khối lượng giao dịch: Tổng khối lượng giao dịch trên thị trường liên ngân hàng tuần qua đạt 1,151 nghìn tỷ đồng, giảm 3.2% so với tuần trước. Trong đó, kỳ hạn qua đêm và 1 tuần có khối lượng giao dịch lớn nhất, lần lượt đạt 1,092 nghìn tỷ đồng và 29 nghìn tỷ đồng. Tổng khối lượng giao dịch 2 kỳ hạn trên đạt trên 1,121 nghìn tỷ và chiếm 97.4% tổng khối lượng giao dịch của cả tuần.

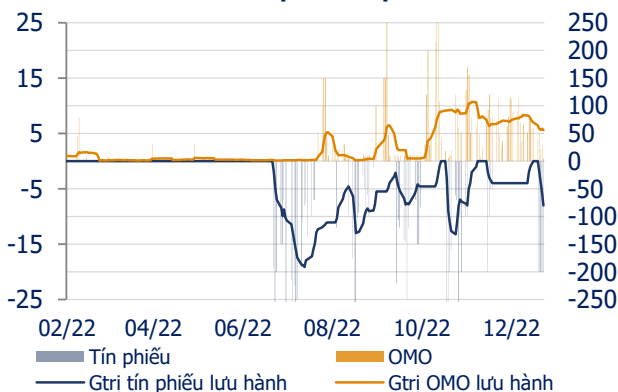
Nghiệp vụ thị trường mở: Tuần qua, NHNN quay trở lại hút ròng khoảng 94 nghìn tỷ đồng thông qua nghiệp vụ thị trường mở trong bối cảnh chênh lệch lãi suất VND-USD thu hẹp đáng kể. Cụ thể, NHNN mở lại kênh phát hành tín phiếu sau hơn 1 tháng tạm dừng. Kỳ hạn tín phiếu giảm xuống 7 ngày và lãi suất phát hành ở mức 3.98% đến 4.39%. Qua kênh tín phiếu, NHNN hút về tổng cộng 80 nghìn tỷ đồng. Trên kênh cầm cố, NHNN bơm ra gần 14.6 nghìn tỷ đồng ở kỳ hạn 7 ngày với lãi suất trúng thầu 6% và có hơn 28 nghìn tỷ đồng đến hạn. Theo đó, NHNN hút ròng hơn 14 nghìn tỷ khỏi hệ thống và khối lượng lưu hành trên kênh này giảm xuống mức 55.7 nghìn tỷ đồng.

Đơn vị : %	TB 5 ngày	23/12/2022	16/12/2022	% Tđổi tuần trước	% Tđổi tháng trước
ON	3.92	3.49	4.62	-113	-261
1W	4.70	4.24	5.22	-98	-190
2W	6.48	6.65	5.67	98	-107
1M	8.28	7.91	7.68	23	15
3M	8.79	8.06	10.40	-234	-147
6M	10.09	9.97	10.94	-97	3
9M	9.00	9.00	9.00	0	50

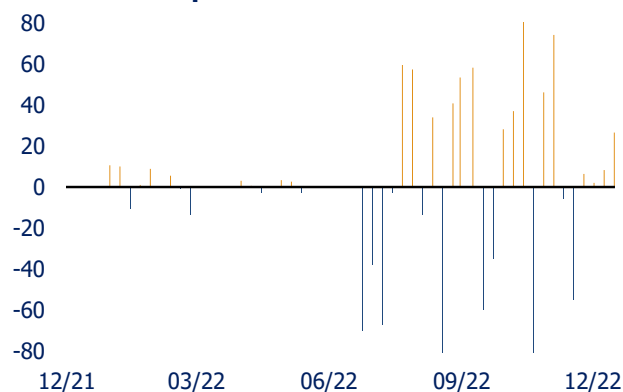
BÌNH QUÂN LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



TÍN PHIẾU KHO BẠC VÀ THỊ TRƯỜNG MỞ



KHỐI LƯỢNG TIỀN NHNN BƠM RÒNG

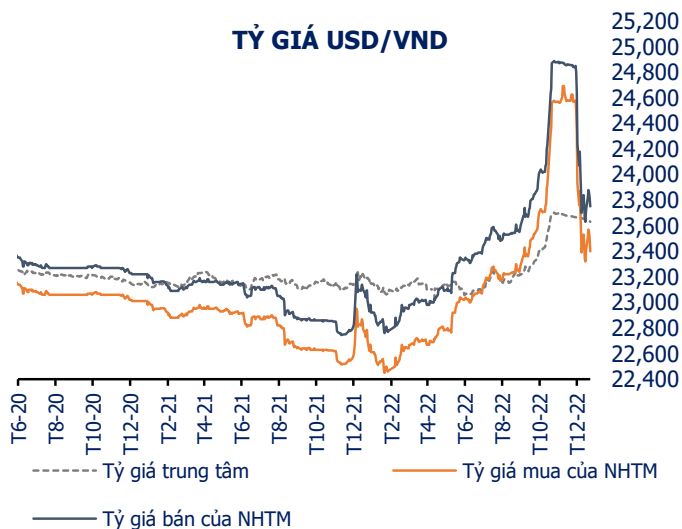


Báo cáo tuần

Thị trường ngoại hối

Tỷ giá USD/VND: Tỷ giá USD/VND trong nước đã đảo chiều tăng trở lại vào đầu tuần giao dịch, nhưng đà tăng không duy trì được lâu. Sau đó, tỷ giá USD/VND đã nhanh chóng quay về xu hướng giảm trong 3 phiên cuối tuần trước bởi cảnh (i) đồng bạc xanh tiếp tục gặp áp lực trên thị trường quốc tế và (ii) nguồn cung ngoại tệ (kiểu hối, FDI, giải ngân khoản vay ngoại tệ từ nước ngoài) được cải thiện vào thời điểm cuối năm. Kết tuần, tỷ giá trung tâm của NHNN giảm xuống 23,631 đồng/USD (giảm 19 đồng so với thứ 6 tuần trước). Trong khi đó, tỷ giá mua vào tại Vietcombank giảm 10 đồng/USD, xuống 23,430 đồng /USD (mua chuyển khoản) và tỷ giá bán tăng 30 đồng/USD, lên 23,750 đồng/USD.

Thị trường ngoại tệ: Tiêu điểm của thị trường ngoại hối tuần qua là quyết định điều chỉnh chính sách kiểm soát đường cong lợi suất trái phiếu (YCC) của NHTW Nhật Bản (BOJ). Cụ thể, BOJ sẽ mở rộng biên độ dao động mục tiêu của lợi suất TPCP 10 năm của Nhật Bản tăng từ +/- 0.25% lên +/- 0.5%. Sau quyết định bất ngờ của BOJ, đồng JPY đã bật tăng mạnh so với USD và chốt tuần ở mức 0.7529 JPY/USD (tăng 2.9% so với phiên thứ 6 tuần trước). Diễn biến trái chiều, chỉ số đo lường đồng bạc xanh (DXY) đã thoái lui xuống mức 104.31 điểm, tương ứng giảm 0.37% so với cuối tuần trước đó. Trong đó, chỉ số DXY lao dốc mạnh đầu tuần sau quyết định điều chỉnh chính sách của BOJ. Bên cạnh đó, thông tin về chỉ số PCE cơ bản (giảm xuống 4.7% trong tháng 11 so với mức 5.0% trong tháng 10) cũng ảnh hưởng đến biến động giảm của DXY vào phiên cuối tuần.



Tỷ giá trung tâm

	Tỷ giá	% Thay đổi
12/12/2022	23,655	
13/12/2022	23,655	0.000%
14/12/2022	23,654	-0.004%
15/12/2022	23,652	-0.008%
16/12/2022	23,650	-0.008%
19/12/2022	23,645	-0.021%
20/12/2022	23,643	-0.008%
21/12/2022	23,641	-0.008%
22/12/2022	23,636	-0.021%
23/12/2022	23,631	-0.021%

Nguồn: NHNN

Nguồn: NHNN, Vietcombank

	23/12/2022	16/12/2022	% Đổi tuần trước	% Đổi đầu năm
VND/USD	0.0000424	0.0000424	0.09%	-3.09%
EUR/USD	1.0614	1.0582	0.30%	-6.02%
CNY/USD	0.1430	0.1434	-0.28%	-9.09%
JPY/USD	0.7529	0.7314	2.94%	-13.16%
GBP/USD	1.2058	1.2140	-0.68%	-10.49%
USD index	104.3100	104.7000	-0.37%	8.42%

Nguồn: investing.com

Báo cáo tuần

Thị trường TPCP sơ cấp

Trái phiếu chính phủ: Kho bạc Nhà nước tiến hành gọi thầu tổng cộng 6,000 tỷ đồng TPCP ở các kỳ hạn 10 năm (3,000 tỷ đồng) và 15 năm (3,000 tỷ đồng). KBNN huy động được toàn bộ khối lượng trái phiếu gọi thầu. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm và 15 năm giảm lần lượt 6 điểm và 1 điểm so với lãi suất trúng thầu gần nhất.

Tổng giá trị TPCP phát hành từ đầu năm tới nay đạt 52% kế hoạch năm theo kế hoạch đầu năm. Cụ thể, tính từ đầu năm tới nay, tổng giá trị phát hành của kỳ hạn 10, 15, 20 và 30 năm lần lượt là 125,812 tỷ đồng (đạt 90% kế hoạch năm), 72,520 tỷ đồng (đạt 48% kế hoạch năm), 2,265 tỷ đồng (đạt 8% kế hoạch năm), 8,625 tỷ đồng (đạt 25% kế hoạch năm). KBNN dự kiến điều chỉnh tổng mức phát hành TPCP trong năm 2022 xuống 215,000 tỷ đồng, tương ứng tổng giá trị TPCP phát hành từ đầu năm tới nay đạt 97% kế hoạch năm theo kế hoạch dự kiến điều chỉnh.

Trái phiếu chính phủ bảo lãnh: Ngân hàng Chính sách xã hội gọi thầu 2,000 tỷ đồng TPCPBL ở các kỳ hạn 5 năm (1,000 tỷ đồng), 10 năm (500 tỷ đồng) và 15 năm (500 tỷ đồng). Tổng khối lượng trái phiếu trúng thầu đạt 1,000 tỷ đồng (tương đương tỷ lệ trúng thầu 50%), trong đó trái phiếu kỳ hạn 5 năm trúng thầu toàn bộ, trái phiếu kỳ hạn 10 năm và 15 năm gọi thầu thất bại.

Kế hoạch đấu thầu TPCP trong tuần 26/12 - 30/12/2022: Trong tuần tới, KBNN tiến hành gọi thầu 5,500 tỷ đồng TPCP ở các kỳ hạn 10 năm (2,500 tỷ đồng) và 15 năm (3,000 tỷ đồng).

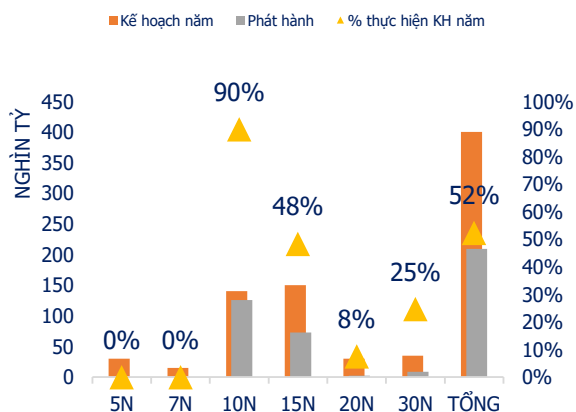
Kết quả đấu thầu TPCP (tuần 19/12 - 23/12/2022)

STT	Mã TP	TCPH	Kỳ hạn	Ngày	GTGT (tỷ)	GTĐT (tỷ)	GTTT (tỷ)	LSTT (%)	Tđổi (bps)
1	TD2232114	KBNN	10	21/12/2022	3,000	19,000	3,000	4.74	-6
2	TD2237126	KBNN	15	21/12/2022	3,000	12,190	3,000	4.89	-1
3	BVBS22288	NHCSXH	15	19/12/2022	500	700	0	-	0
4	BVBS22282	NHCSXH	10	19/12/2022	500	500	0	-	0
5	BVBS22276	NHCSXH	5	19/12/2022	1,000	3,000	1,000	4.8	0

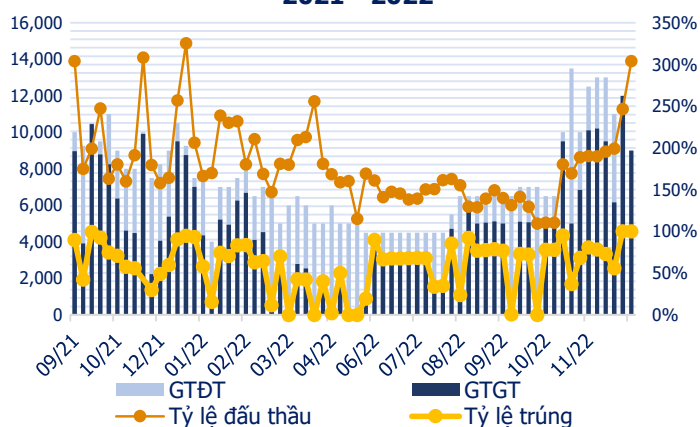
Kế hoạch đấu thầu (tuần 26/12 - 30/12/2022)

STT	Ngày	TCPH	Mã TP	Kiểu phát hành	Kỳ hạn	Giá trị (tỷ)
1	29/12/2022	KBNN	TD2237126	Bổ sung	15	3,000
2	29/12/2022	KBNN	TD2232113	Bổ sung	10	2,500

GIÁ TRỊ PHÁT HÀNH THEO KỲ HẠN



KHỐI LƯỢNG GỌI THẦU VÀ ĐẶT THẦU 2021 - 2022



Nguồn: HNX

Đơn vị: %

Báo cáo tuần

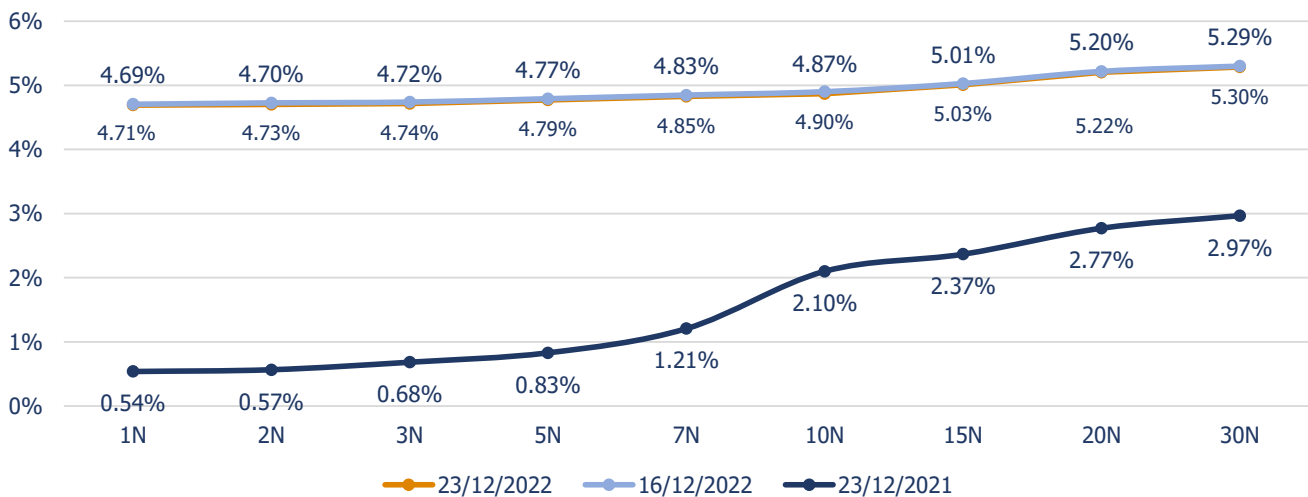
Thị trường TPCP thứ cấp

Tình hình giao dịch: Trong tuần, giá trị giao dịch (GTGD) thị trường thứ cấp đạt hơn 17 nghìn tỷ đồng (giảm 7% so với tuần trước) trong đó GTGD thông thường (outright) là 13.4 nghìn tỷ đồng (tăng 23% so với tuần trước) và GTGD mua bán lại (repo) là gần 3.6 nghìn tỷ đồng (giảm 52% so với tuần trước). GTGD outright trung bình ngày là 2,688 tỷ đồng và GTGD repo trung bình ngày là 716 tỷ đồng.

Nhà đầu tư nước ngoài: Khối ngoại bán ròng gần 91 tỷ TPCP trong tuần. Lũy kế từ đầu năm tới nay, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng 7,895 tỷ đồng TPCP.

Lợi suất trái phiếu chính phủ (theo VBMA): So với tuần trước, lợi suất TPCP tại phòng giao dịch của VBMA tiếp tục giảm nhẹ ở tất cả các kỳ hạn. Trong đó, các nhà tạo lập thị trường VBMA đã thống nhất chào giá không cam kết thực hiện kể từ ngày 10/10/2022.

DIỄN BIẾN LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ - VBMA

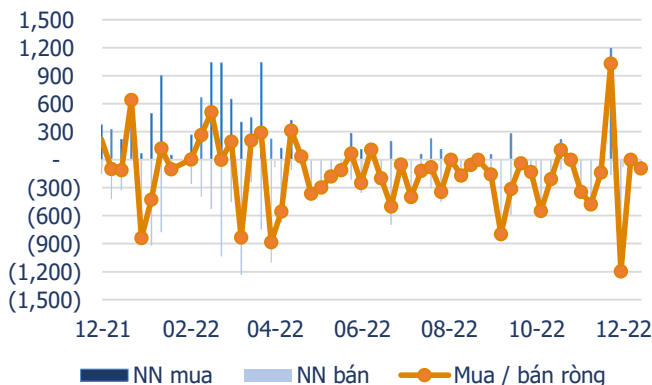


Biến động lợi suất theo phòng giao dịch VBMA

So với	1N	2N	3N	5N	7N	10N	15N	20N	30N
Tuần trước	-1.4	-2.2	-2.4	-2.1	-2.0	-3.2	-2.2	-1.5	-1.4
Tháng trước	-3.4	-4.1	-4.4	-1.8	-2.0	-2.2	-1.3	-2.3	-4.0

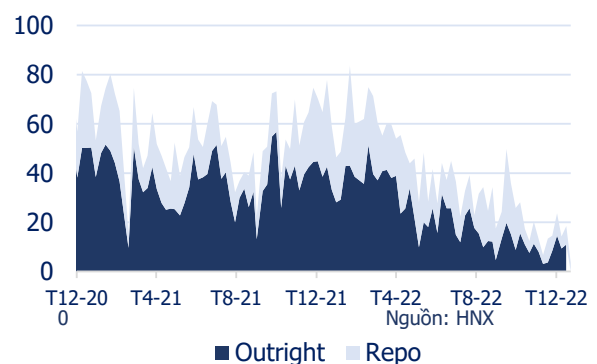
Nguồn: VBMA Đơn vị: Điểm

GIAO DỊCH NĐT NN 2022



Nguồn: HNX

KHỐI LƯỢNG GD OUTRIGHT VÀ REPO



Đơn vị: nghìn tỷ

Nguồn: HNX

Báo cáo tuần

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong tháng 12/2022:

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 23/12/2022, có 9 đợt phát hành TPDN được ghi nhận trong tháng 12 với tổng giá trị 1,350 tỷ đồng.

So với cùng kỳ năm ngoái, giá trị phát hành trái phiếu ra công chúng từ đầu năm là 10,599 tỷ đồng, giảm 61% (chiếm khoảng 4% tổng giá trị phát hành) và giá trị phát hành trái phiếu riêng lẻ là 244,215 tỷ đồng, giảm 63% (chiếm khoảng 96% tổng giá trị phát hành).

**Dữ liệu VBMA tổng hợp được ghi nhận theo ngày phát hành trái phiếu từ HNX và SSC, tổng khối lượng phát hành trái phiếu từ đầu năm ghi nhận theo ngày hoàn thành phát hành là 337,363 tỷ đồng.*

Trái phiếu doanh nghiệp được mua lại trong tháng 12/2022:

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX, tính đến ngày công bố thông tin 23/12/2022, tổng giá trị trái phiếu đã được các doanh nghiệp mua lại trước hạn là 29,045 tỷ đồng (tăng 17% so với cùng kỳ tháng 12/2021). Tính từ đầu năm tới nay, tổng giá trị trái phiếu đã được các doanh nghiệp mua lại đạt gần 199,728 tỷ đồng (tăng 42% so với cùng kỳ năm 2021).

**Dữ liệu VBMA tổng hợp được ghi nhận theo ngày thực hiện mua lại từ chuyên trang của HNX.*

Trái phiếu doanh nghiệp đến hạn trong tháng 12/2022:

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp, tổng giá trị trái phiếu đến hạn từ nay đến hết tháng 12/2022 là hơn 15.6 nghìn tỷ đồng, tập trung chủ yếu ở nhóm bất động sản (7.0 nghìn tỷ đồng, chiếm 45% giá trị TPDN đến hạn) và nhóm ngân hàng (5.7 nghìn tỷ đồng, chiếm 36% giá trị TPDN đến hạn).

Kế hoạch phát hành TPDN năm 2022:

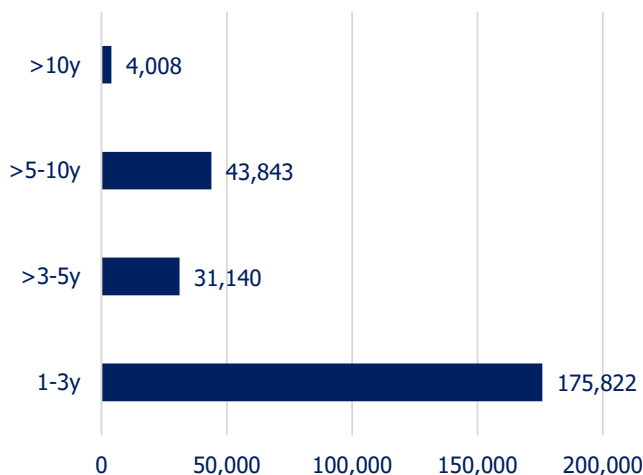
Ngân hàng TMCP Bắc Á (BAB)

Ngân hàng TMCP Bắc Á đã công bố kế hoạch chào bán ra công chúng đợt 2 hơn 2,564 tỷ đồng trong tháng 1 và tháng 2 năm 2023, kỳ hạn 7 và 8 năm với mức lãi suất thả nổi lần lượt là Lãi suất tham chiếu (LSTC) + 1.1%/năm, LSTC + 1.3%/năm và LSTC + 1.5%/năm.

CTCP Camimex Group (CMX)

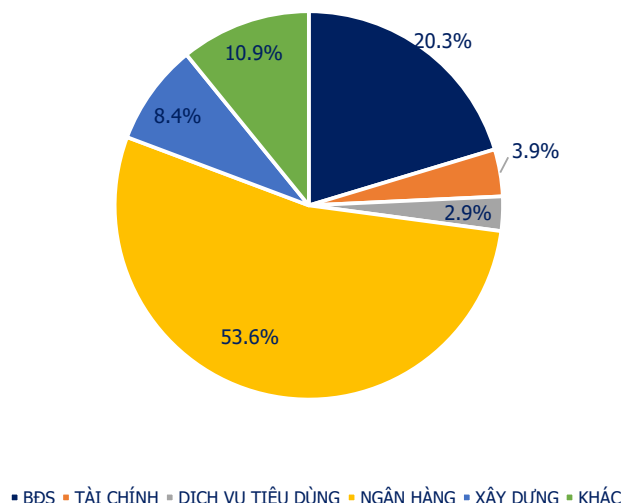
Hội đồng quản trị CMX đã phê duyệt phương án chào bán ra công chúng tối đa 300 tỷ đồng trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có tài sản đảm bảo, kỳ hạn tối đa 36 tháng trong Quý 4 2022/ Quý 1 2023.

GTPH TRONG NƯỚC THEO KỲ HẠN (YTD)



Đơn vị: tỷ đồng

GTPH THEO NHÓM NGÀNH (YTD)



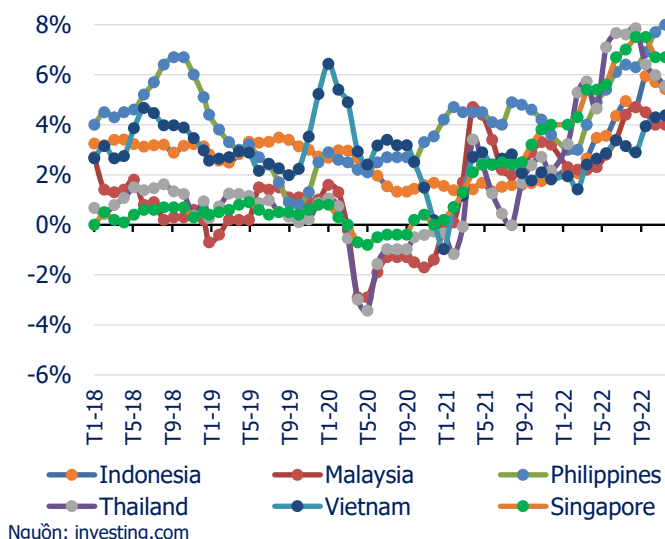
■ BDS ■ TÀI CHÍNH ■ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG ■ NGÂN HÀNG ■ XÂY DỰNG ■ KHÁC

Báo cáo tuần

Tin quốc tế

Ngày	Quốc gia	Ngoại Tệ	Tác động	Sự kiện
26/12/2022	Nhật Bản	JPY	Trung bình	Bài phát biểu của thống đốc BOJ Kuroda
28/12/2022	Mỹ	USD	Cao	Doanh Số Nhà Chờ Bán (Tháng 11)
29/12/2022	Mỹ	USD	Cao	Đề Nghị Trợ Cấp Thất Nghiệp lần đầu
30/12/2022	Trung Quốc	CNY	Cao	PMI sản xuất
02/1/2023	EU	EUR	Cao	PMI sản xuất Đức

Diễn biến lạm phát các nước trong khu vực



Chỉ số lạm phát một số nước trong khu vực

Date	Việt Nam	Thái Lan	Singapore	Phillipines
T10 2021	1.77%	2.38%	3.20%	4.60%
T11 2021	2.10%	2.71%	3.80%	4.20%
T12 2021	1.81%	2.17%	4.00%	3.60%
T1 2022	1.94%	3.23%	4.00%	3.00%
T2 2022	1.42%	5.28%	4.30%	3.00%
T3 2022	2.41%	5.73%	5.40%	4.00%
T4 2022	2.64%	4.65%	5.40%	4.90%
T5 2022	2.86%	7.10%	5.60%	5.40%
T6 2022	3.37%	7.66%	6.70%	6.10%
T7 2022	3.14%	7.61%	7.00%	6.40%
T8 2022	2.89%	7.86%	7.50%	6.30%
T9 2022	3.94%	6.41%	7.50%	6.90%
T10 2022	4.30%	5.98%	6.70%	7.70%
T11 2022	4.37%	5.55%	6.70%	8.00%

Nguồn: Trading economics

Lợi suất bình quân của TPCP 5 năm các nước trong khu vực và các nền kinh tế lớn trên thế giới

Đơn vị: %	Tr. Quốc	Nhật Bản	Malaysia	Philippines	Thái Lan	Mỹ	Việt Nam
T8 2021	2.69	(0.12)	2.64	2.73	0.58	0.77	1.00
T9 2021	2.69	(0.10)	2.78	2.85	0.72	0.86	0.91
T10 2021	2.82	(0.10)	2.91	3.17	0.79	0.93	0.93
T11 2021	2.73	(0.08)	3.17	4.15	-	1.20	0.78
T12 2021	2.71	(0.09)	3.14	4.12	-	1.16	0.79
T1 2022	2.51	(0.04)	3.26	3.94	1.51	1.53	0.91
T2 2022	2.50	0.03	3.32	4.31	1.44	1.85	1.09
T3 2022	2.56	0.02	3.33	4.57	1.46	2.11	1.66
T4 2022	2.54	0.02	3.57	5.06	1.85	2.76	2.16
T5 2022	2.56	0.01	3.92	5.61	2.48	2.87	2.36
T6 2022	2.59	0.03	3.84	5.59	2.51	3.19	2.41
T7 2022	2.56	0.01	3.59	5.02	2.08	2.50	1.92
T8 2022	2.44	(0.01)	3.75	5.43	2.03	3.05	3.05
T9 2022	2.44	0.05	3.95	6.21	2.38	3.74	3.58
T10 2022	2.48	0.08	4.21	6.50	2.69	4.18	4.73
T11 2022	2.58	0.08	4.16	6.79	2.43	4.06	4.82
T12 2022	2.69	0.14	3.85	6.43	2.03	3.72	4.79

LS giảm
LS tăng

Nguồn: investing.com

Báo cáo tuần

Phụ lục 1

Kết quả đấu thầu TPCP (tuần 19/12 - 23/12/2022)

STT	Mã TP	TCPH	Kì hạn	Ngày	GTGT (tỷ)	GTĐT (tỷ)	GTTT (tỷ)	LSTT (%)	Tổn (bps)
1	TD2232114	KBNN	10	21/12/2022	3,000	19,000	3,000	4.74	-6
2	TD2237126	KBNN	15	21/12/2022	3,000	12,190	3,000	4.89	-1
3	BVBS22288	NHCSXH	15	19/12/2022	500	700	0	-	0
4	BVBS22282	NHCSXH	10	19/12/2022	500	500	0	-	0
5	BVBS22276	NHCSXH	5	19/12/2022	1,000	3,000	1,000	4.8	0

Kế hoạch đấu thầu (tuần 26/12 - 30/12/2022)

STT	Ngày	TCPH	Mã TP	Kiểu phát hành	Kì hạn	Giá trị (tỷ)
1	29/12/2022	KBNN	TD2237126	Bổ sung	15	3,000
2	29/12/2022	KBNN	TD2232113	Bổ sung	10	2,500

Kế hoạch đấu thầu Trái phiếu Chính phủ Quý 4 năm 2022

STT	Kỳ hạn	Khối lượng dự kiến
1	5 năm	3,000 tỷ đồng
2	7 năm	2,000 tỷ đồng
3	10 năm	60,000 tỷ đồng
4	15 năm	30,000 tỷ đồng
5	20 năm	2,000 tỷ đồng
6	30 năm	3,000 tỷ đồng
Tổng mức phát hành		100,000 tỷ đồng

Top 10 mã trái phiếu có GTGD outright lớn nhất trong tuần

STT	Mã TP	GTGD (tỷ)	Kì hạn gốc	Kì hạn còn lại	LS Giao dịch
1	TD2151043	2,548	30	28.7	5.4 - 5.4
2	BVDB21093	1,794	10	9.0	2.3485 - 2.35
3	TD2035026	1,124	15	12.8	2.2771 - 2.28
4	TD2237126	752	15	14.9	5.1 - 5.1
5	TD1429095	676	15	6.8	4.9999 - 5.0001
6	TD1646503	611	30	23.8	4.94 - 5.4
7	TD2136029	594	15	13.7	2.3272 - 2.35
8	BVDB18022	506	5	1.0	3.7996 - 4.4503
9	TD1631461	505	15	8.0	5.1362 - 5.1362
10	BVDB18023	503	5	1.0	3.8 - 5.3004

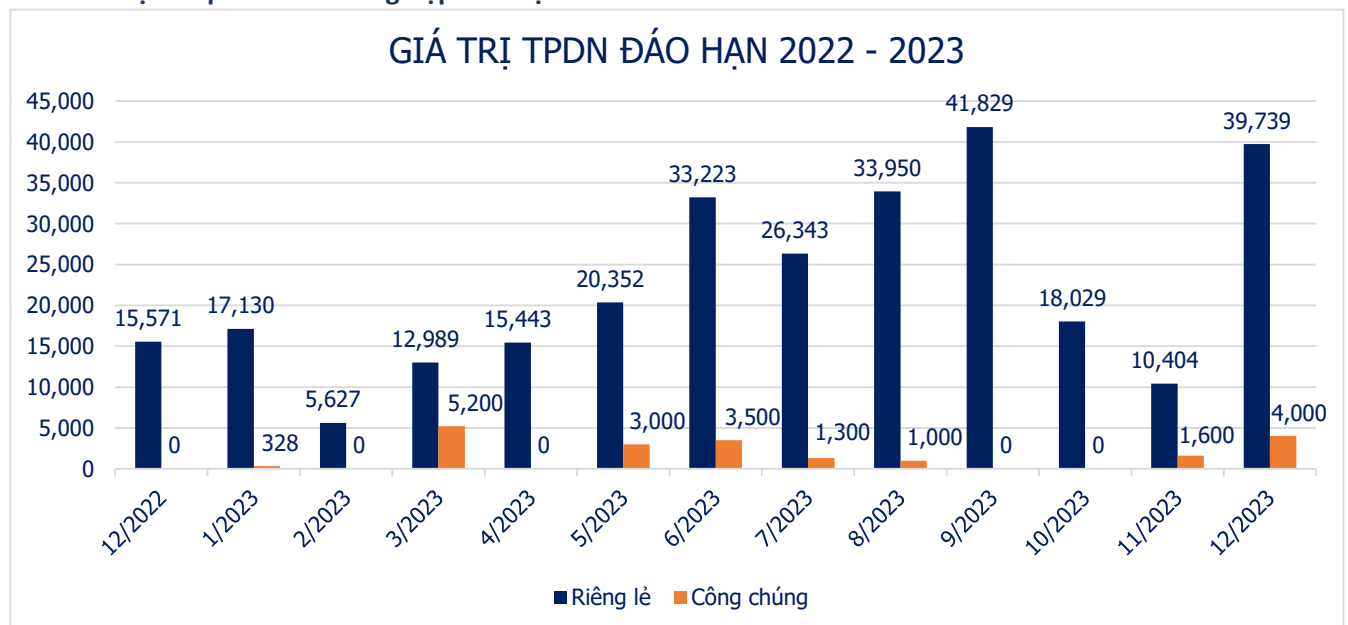
Báo cáo tuần

Phụ lục 2

Trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong tháng 12/2022

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	PHƯƠNG THỨC PHÁT HÀNH	GPH (tỷ đồng)	MÃ TP	LOẠI HÌNH DNP	NGÀY PHÁT HÀNH	LÃI SUẤT	KỶ HẠN (năm)
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	20	TENCH2223001	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	1.00
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	30	TENCH2226004	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	4.00
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	20	TENCH2228006	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	6.00
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	20	TENCH2227005	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	5.00
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	30	TENCH2224002	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	2.00
CTCP DƯỢC PHẨM TENAMYD	RIÊNG LẺ	30	TENCH2225003	DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ	12/12/2022	KỶ ĐẦU: 14%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T CAO NHẤT MBB + 6%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 12%/NĂM	3.00
CT TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG THÀNH NGUYÊN	RIÊNG LẺ	500	TNECH2227001	NĂNG LƯỢNG	9/12/2022	KỶ ĐẦU: 13%/NĂM, CÁC KỶ SAU = LSTK 12T VND TPB +4.8%/NĂM NHƯNG KHÔNG THẤP HƠN 13%/NĂM	5.00
CTCP ĐẦU TƯ NAM LONG	RIÊNG LẺ	500	NLGH2229002	XÂY DỰNG	13/12/2022	LS CƠ BẢN CỐ ĐỊNH + 3.5%/NĂM	7.00
NHTMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	RIÊNG LẺ	200	BIDL2242033	NGÂN HÀNG	9/12/2022	8.5%/NĂM	20.00

Giá trị Trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn 2022 - 2023





Cám ơn quý vị đã đọc bản tin hàng tuần của VBMA.
Nếu quý vị cần biết thêm thông tin chi tiết,
xin vui lòng liên hệ:

HIỆP HỘI THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU VIỆT NAM

Tầng 17, Tháp Gelex, 52 Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: (84) 24 3974 8781
Fax: (84) 4 3974 8782
Website: <http://www.vbma.org.vn/>

QUYỀN MIỄN TỪ TRÁCH NHIỆM:

Những thông tin và quan điểm được trình bày trong Bản tin này là kết quả của hoạt động nghiên cứu của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA). VBMA không cam kết hay đảm bảo về tính chính xác hay đầy đủ của các thông tin này. VBMA không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất, thua lỗ nào phát sinh do sử dụng báo cáo này và các thông tin trong đó. Báo cáo này được thực hiện đơn thuần nhằm mục đích cung cấp thông tin và người xem không được phép sao chép, phân phối hay xuất bản vì bất cứ mục đích gì.